

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành và áp dụng cho các Tờ khai hàng nhập khẩu đã nộp cho cơ quan hải quan từ ngày 02 tháng 12 năm 2002. Những quy định trước đây trái với Quyết định này đều bãi bỏ./.

KT. Bộ trưởng Bộ Tài chính

Thủ trưởng

TRƯƠNG CHÍ TRUNG

THÔNG TƯ số 109/2002/TT-BTC ngày 06/12/2002 quy định chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí sử dụng đường bộ.

Căn cứ Pháp lệnh Phí và lệ phí số 38/2001/PL-UBTVQH10 ngày 28/8/2001, Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Phí và lệ phí;

Để thu hồi vốn đầu tư và đảm bảo chi phí cho việc duy tu, bảo dưỡng, quản lý đường bộ; sau khi có ý kiến của Bộ Giao thông vận tải, Bộ Tài chính quy định chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí đường bộ như sau:

Phần I

QUY ĐỊNH CHUNG

I. GIẢI THÍCH TỪ NGỮ

Trong Thông tư này các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Đường bộ, gồm: đường bộ, cầu đường bộ, hầm đường bộ.
2. Đường bộ quy định thu phí là những đường

bộ đã có quyết định thu phí của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong thời hạn hiệu lực thi hành.

3. Trạm thu phí đường bộ, gồm: nhà điều hành, nhà bán vé, cửa soát vé, hệ thống điện chiếu sáng và các công trình phụ trợ khác phục vụ việc thu phí.

4. Phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, gồm: xe ô tô (kể cả xe lam, xe bông sen, xe công nông), máy kéo, xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh, xe gắn máy và các loại xe tương tự, kể cả xe cơ giới dùng cho người tàn tật.

5. Xe máy chuyên dùng, gồm: máy thi công, xe máy nông nghiệp, lâm nghiệp tham gia giao thông đường bộ.

II. ĐIỀU KIỆN ÁP DỤNG THU PHÍ ĐƯỜNG BỘ

Loại đường bộ được quy định thu phí và tổ chức thu phí phải có đủ các điều kiện sau đây:

1. Hoàn thành việc xây dựng, sửa chữa, nâng cấp theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt, bảo đảm chất lượng phục vụ giao thông tốt hơn trước khi thu phí.

2. Thuộc Quy hoạch mạng lưới thu phí đường bộ do cơ quan có thẩm quyền quyết định sau khi đã có ý kiến của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể:

- Quy hoạch mạng lưới thu phí quốc lộ do Bộ Giao thông vận tải xây dựng phải có ý kiến của Bộ trưởng Bộ Tài chính trước khi trình Thủ tướng Chính phủ quyết định.

- Quy hoạch mạng lưới thu phí đường địa phương do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định sau khi đã có ý kiến thống nhất của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Quyết định hoặc Nghị quyết ban hành Quy hoạch mạng lưới thu phí đường địa phương phải đồng thời gửi cho Bộ Tài chính và Bộ Giao thông vận tải chậm nhất sau 15 ngày, kể từ ngày ban hành.

Trường hợp đường bộ đặt trạm thu phí không thuộc Quy hoạch mạng lưới thu phí đường bộ do cơ quan có thẩm quyền ban hành theo quy định trên đây thì trước khi xây dựng trạm thu phí, cơ quan chủ quản hoặc chủ đầu tư phải có văn bản gửi Bộ Tài chính nêu rõ: Độ dài toàn tuyến đường, số trạm và vị trí đặt các trạm thu phí trên tuyến đường đó (số trạm dự kiến hoặc thực tế đã có); độ dài của đoạn đường dự kiến đặt trạm thu phí và lý do của việc đặt trạm tại vị trí đó. Bộ Tài chính nghiên cứu và có ý kiến bằng văn bản chậm nhất trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản.

3. Hoàn thành các công trình phụ trợ phục vụ việc thu phí, như: xây dựng trạm thu phí (địa điểm bán vé, kiểm soát vé, ...), hệ thống chiếu sáng, đầy đủ các loại vé thu phí, bộ máy tổ chức thu và kiểm soát vé, v.v.

4. Bộ Tài chính đã ban hành quyết định quy định mức thu phí đối với quốc lộ hoặc Hội đồng nhân dân cấp tỉnh đã ra nghị quyết hoặc quyết định quy định mức thu đối với đường địa phương phù hợp với loại đường dự kiến thu phí.

III. ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

1. Đối tượng chịu phí sử dụng đường bộ là các phương tiện giao thông cơ giới đường bộ và xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ (dưới đây gọi chung là phương tiện tham gia giao thông đường bộ).

2. Tổ chức, cá nhân (Việt Nam và nước ngoài) có phương tiện tham gia giao thông đường bộ quy định thu phí thì phải trả phí sử dụng đường bộ (sau đây gọi chung là phí đường bộ) quy định tại Thông tư này.

3. Người (Việt Nam và nước ngoài) trực tiếp điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ phải trả phí đường bộ dưới hình thức vé (loại vé do Bộ Tài chính quy định) cho mỗi lần đi trên đường tại trạm thu phí đường bộ theo quy

định (trừ những trường hợp quy định tại điểm 4 Mục này).

4. Miễn phí đường bộ đối với những trường hợp sau đây:

a) Xe cứu thương, bao gồm cả các loại xe khác chở người bị tai nạn đến nơi cấp cứu.

b) Xe cứu hỏa.

c) Xe máy nông nghiệp, lâm nghiệp gồm: máy cày, máy bừa, máy xới, máy làm cỏ, máy tuốt lúa.

d) Xe hộ đê, xe làm nhiệm vụ khẩn cấp về chống lụt bão.

e) Xe chuyên dùng phục vụ quốc phòng, an ninh gồm: xe tăng, xe bọc thép, xe kéo pháo, xe chở lực lượng vũ trang đang hành quân.

Ngoài ra, đối với xe chuyên dùng phục vụ quốc phòng còn bao gồm các phương tiện cơ giới đường bộ mang biển số: nền màu đỏ, chữ và số màu trắng dập chìm (dưới đây gọi chung là biển số màu đỏ) có gắn các thiết bị chuyên dùng cho quốc phòng (không phải là xe vận tải thùng rỗng) như: công trình xa, cầu nâng, tời, tổ máy phát điện.... Riêng xe chở lực lượng vũ trang đang hành quân được hiểu là các xe ô tô ca chở khách, xe ô tô tải có mui che và được lắp đặt ghế ngồi trong thùng xe, mang biển số màu đỏ (không phân biệt có chở quân hay không chở quân).

Các phương tiện giao thông cơ giới đường bộ khác (ngoài các xe chuyên dùng phục vụ quốc phòng nêu trên) đều thuộc đối tượng chịu phí sử dụng đường bộ và phải nộp phí sử dụng đường bộ theo quy định tại điểm 4 Mục I Phần III Thông tư này.

g) Đoàn xe đưa tang.

h) Đoàn xe có xe hộ tống, dẫn đường.

5. Đối với những trạm thu phí chưa giải quyết được ùn tắc giao thông thì tạm thời chưa thu phí đường bộ đối với xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh, xe hai bánh gắn máy, xe ba bánh gắn máy (dưới đây gọi chung là xe máy).

Căn cứ vào tình hình giao thông tại từng trạm thu phí, các công ty quản lý đường bộ có trách nhiệm báo cáo Bộ Giao thông vận tải và Bộ Tài chính (đối với quốc lộ) hoặc Hội đồng nhân dân cấp tỉnh (đối với đường địa phương) về tình trạng ùn tắc giao thông tại địa bàn, kiến nghị cụ thể việc tạm thời chưa thu phí đường bộ đối với xe máy quy định tại điểm này.

Trên cơ sở đề xuất của các công ty quản lý đường bộ, ý kiến của Bộ Giao thông vận tải và điều tra, khảo sát tình hình thực tế, Bộ Tài chính xem xét, quyết định việc tạm thời chưa thu phí quốc lộ và Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định tạm thời chưa thu phí đường địa phương đối với xe máy tại từng trạm thu phí. Trong khi chưa có quyết định của cơ quan có thẩm quyền thì các trạm thu phí vẫn phải thực hiện thu phí đối với xe máy theo đúng mức thu quy định tại Thông tư này.

Phần II

MỨC THU VÀ QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TIỀN THU PHÍ ĐỐI VỚI TỪNG LOẠI ĐƯỜNG BỘ

I. ĐƯỜNG BỘ ĐẦU TƯ BẰNG VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

1. Đường bộ đầu tư bằng vốn ngân sách nhà nước quy định tại Thông tư này, bao gồm:

a) Đường bộ do ngân sách nhà nước (ngân sách trung ương hoặc ngân sách địa phương) cấp vốn đầu tư.

b) Đường bộ đầu tư bằng vốn có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước, như: tiền thu phí để lại cho đơn vị, tiền viện trợ không hoàn lại, tiền hỗ trợ do các tổ chức, cá nhân đóng góp....

c) Đường bộ đầu tư bằng vốn vay và ngân sách nhà nước trả nợ, không phân biệt ngân sách nhà nước phải trả hoàn toàn số nợ (bao gồm cả gốc và

lãi) hay ngân sách nhà nước chỉ trả phần nợ gốc, còn phần lãi tiền vay trả bằng tiền thu phí (kể cả vốn do ngân sách nhà nước vay hoặc do chủ đầu tư vay).

d) Các đường bộ khác do Nhà nước quản lý, như: đường bộ đầu tư để kinh doanh, sau khi đã kết thúc giai đoạn kinh doanh, chuyển giao cho Nhà nước quản lý; đường bộ đầu tư theo hình thức BT (Nhà nước thanh toán vốn cho tổ chức, cá nhân đầu tư và tổ chức, cá nhân đầu tư chuyển giao đường bộ cho Nhà nước quản lý); đường bộ xây dựng theo hình thức đối đất lấy công trình (Nhà nước giao đất và tổ chức, cá nhân giao công trình đường bộ).v.v...

2. Mức thu phí đường bộ đầu tư bằng vốn ngân sách nhà nước được quy định cụ thể tại Biểu phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này thực hiện như sau:

2.1. Các đoạn đường bộ hiện đang thu phí theo mức thu của Bộ Tài chính (đối với đường bộ do Trung ương quản lý, sau đây gọi chung là quốc lộ) và Hội đồng nhân dân hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với đường bộ địa phương quản lý, sau đây gọi là đường địa phương) quy định trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành thì kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành đều phải thống nhất áp dụng mức thu quy định tại Thông tư này. Quá trình thực hiện, Bộ Giao thông vận tải và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố cần nghiên cứu, sắp xếp, giảm bớt các trạm thu phí không phù hợp, bảo đảm tiến tới tất cả các tuyến đường nối liền có khoảng cách giữa 2 trạm thu phí tối thiểu phải từ 70 km trở lên.

2.2. Đối với các đoạn đường bộ bắt đầu thu phí kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành thì ngoài các điều kiện quy định tại Mục II Phần I Thông tư này, còn phải bảo đảm khoảng cách giữa hai trạm thu phí ở trên cùng một tuyến đường có độ dài tối thiểu là 70 (bảy mươi) km.

Trường hợp cá biệt, đoạn đường bộ không bảo đảm khoảng cách giữa hai trạm thu phí tối thiểu 70 km thì Bộ Giao thông vận tải hoặc Hội đồng

nhân dân cấp tỉnh có văn bản gửi Bộ Tài chính, nêu rõ lý do đề nghị thu phí, kèm theo đề án thu phí (gồm: phương thức đầu tư, thời hạn xây dựng hoàn thành bàn giao, thời hạn đưa công trình vào sử dụng, độ dài và chất lượng đường, việc xây dựng trạm thu phí và các điều kiện bảo đảm công tác tổ chức thu phí, thời hạn dự kiến bắt đầu thu phí, khả năng lưu lượng phương tiện qua lại, dự kiến mức thu và căn cứ xác định mức thu, dự kiến khả năng thu và hiệu quả thu phí) để Bộ Tài chính xem xét, quyết định.

3. Căn cứ các điều kiện quy định tại Mục II Phần I Thông tư này, mức thu phí đường bộ quy định tại điểm 2 Mục này và tình hình thực tế của đoạn đường dự kiến thu phí, Bộ Giao thông vận tải (đối với quốc lộ) hoặc Hội đồng nhân dân cấp tỉnh (đối với đường địa phương) ban hành quyết định hoặc nghị quyết tổ chức thu phí đối với từng đoạn đường bộ.

Quyết định (hoặc nghị quyết) tổ chức thu phí đường bộ của Bộ Giao thông vận tải hoặc Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phải ghi cụ thể: tên trạm thu phí, địa điểm đặt trạm thu phí, độ dài quãng đường (từ km... đến km...) và cấp đường thu phí, thời hạn bắt đầu thu phí và phải gửi quyết định hoặc nghị quyết về Bộ Tài chính trước 15 ngày, kể từ ngày bắt đầu thu phí.

4. Đơn vị tổ chức thu phí đường bộ đầu tư bằng vốn ngân sách nhà nước phải mở tài khoản thu phí đường bộ tại Kho bạc nhà nước nơi giao dịch.

Tiền phí đường bộ thu được hàng ngày phải gửi vào tài khoản mở tại Kho bạc nhà nước và được quản lý sử dụng như sau:

4.1. Đơn vị tổ chức thu phí đường bộ được trích để lại một phần số tiền phí sử dụng đường bộ thực thu được trước khi nộp vào ngân sách nhà nước theo tỷ lệ (%), cụ thể:

a) Đối với đơn vị tổ chức thu phí đường địa phương được trích tỷ lệ (%) theo quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

b) Đối với đơn vị tổ chức thu phí quốc lộ được trích 20% trên tổng số tiền phí đường bộ thực thu được.

Trong tỷ lệ 20% được trích thì 5% (bằng 25% tổng số được trích) để tạo nguồn vốn đầu tư hiện đại hóa công nghệ thu phí, đơn vị thu phí phải nộp về Cục Đường bộ Việt Nam để tập trung đầu tư có trọng tâm, trọng điểm theo dự án được duyệt; 15% (bằng 75% tổng số tiền được trích) để chi phí phục vụ trực tiếp công tác tổ chức thu phí đường bộ theo dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt quy định tại tiết b1, b2, b3 sau đây:

b1) Các khoản chi theo định mức chi quản lý nhà nước hiện hành đối với biên chế của bộ phận trực tiếp làm nhiệm vụ thu phí, gồm: các khoản chi tiền lương, tiền công, các khoản có tính chất tiền lương, tiền công; chi bảo hộ lao động hoặc đồng phục theo chế độ quy định (nếu có), trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế; chi công tác phí; chi thuê công an bảo vệ; chi thông tin liên lạc; chi dịch vụ công cộng (tiền điện chiếu sáng trạm thu phí, nước văn phòng trạm thu phí); chi hội họp; chi sửa chữa thường xuyên nhà cửa, thiết bị văn phòng, trạm thu phí; chi bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ; chi tiền ăn giữa ca cho người lao động với mức tối đa cho mỗi người không vượt quá mức lương tối thiểu do Nhà nước quy định đối với công chức nhà nước; chi khác cho hoạt động tổ chức thu phí.

Biên chế của bộ phận trực tiếp làm nhiệm vụ thu phí đường bộ do Cục Đường bộ Việt Nam giao, trên cơ sở tổng định biên được Bộ Giao thông vận tải duyệt (đối với quốc lộ) hoặc Sở Giao thông vận tải giao (đối với đường địa phương).

b2) Các khoản chi đặc thù phục vụ thu phí đường bộ ngoài định mức chi quản lý nhà nước hiện hành, gồm:

- Chi tiền vé, ấn chỉ phục vụ thu phí.

- Chi thuê lực lượng bảo vệ trạm thu phí (ngoài khoản chi thường xuyên đối với công an nêu trên, nếu có).

- Chi mua phụ tùng thay thế, thiết bị có giá trị nhỏ và công cụ lao động khác trực tiếp phục vụ thu phí.

- Chi phí gián tiếp của doanh nghiệp phục vụ công tác thu phí (đối với doanh nghiệp nhà nước được giao nhiệm vụ thu phí).

- Chi khác trực tiếp phục vụ thu phí (nếu có).

b3) Chi trích Quỹ Khen thưởng, Quỹ Phúc lợi cho cán bộ, nhân viên trực tiếp thu phí đường bộ. Mức trích lập 2 (hai) Quỹ Khen thưởng và phúc lợi bình quân một năm, một người tối đa không quá 3 (ba) tháng lương thực hiện nếu số thu cao hơn năm trước hoặc bằng 2 (hai) tháng lương thực hiện nếu số thu thấp hơn hoặc bằng số thu năm trước.

Riêng các khoản chi không thường xuyên và các khoản chi đặc thù theo quy chế riêng của nhà thiết kế, như: chi sửa chữa lớn nhà điều hành, sửa chữa lớn trạm thu phí, chi phí duy tu, bảo dưỡng cầu đường bộ, điện chiếu sáng các cầu (đối với đoạn đường có cầu), chi bảo vệ cầu, mua xe chở tiền, sửa chữa lớn xe chở tiền được bố trí bằng nguồn kinh phí ngân sách nhà nước cấp theo dự toán được duyệt hàng năm (ngân sách trung ương đối với quốc lộ, ngân sách địa phương đối với đường địa phương).

4.2. Đối với các đường bộ vay vốn đầu tư, do ngân sách nhà nước trả nợ gốc và thu phí trả lãi tiền vay thì ngoài số tiền được trích theo tỷ lệ (%) quy định tại tiết 4.1 trên đây, đơn vị thu phí còn được trích để lại theo mức thực chi trả lãi tiền vay theo kế ước vay.

Toàn bộ các khoản chi quy định tại tiết 4.1; 4.2 điểm này không phải hạch toán phản ánh vào ngân sách nhà nước, nhưng phải cân đối vào dự toán tài chính của đơn vị thu phí đường bộ hàng năm, được cơ quan có thẩm quyền duyệt. Việc sử dụng phải đúng mục đích, đúng nội dung, chi phải có chứng từ hợp pháp và hàng năm thực hiện quyết toán các khoản chi này.

Các đơn vị thu phí đường bộ, căn cứ vào số tiền được trích để chi phí phục vụ công tác tổ chức thu phí (15%) và số chỉ theo dự toán được duyệt (dự toán năm chia cho từng tháng, quý), nếu số tiền được trích để phục vụ công tác thu phí lớn hơn số chỉ thì phải nộp số chênh lệch vào tài khoản của Cục Đường bộ Việt Nam để Cục Đường bộ Việt Nam điều hòa cho các đơn vị trực thuộc không đủ nguồn chi bảo đảm Quỹ Tiền lương tối thiểu cho cán bộ, công nhân viên thu phí theo chế độ quy định.

Cục Đường bộ Việt Nam thực hiện mở tài khoản riêng tại Kho bạc nhà nước nơi giao dịch để theo dõi việc thu - chi đối với khoản tiền Quỹ Đầu tư hiện đại hóa công nghệ thu phí (5%) do các đơn vị thu phí nộp về và khoản tiền Quỹ Điều hòa phục vụ công tác tổ chức thu phí do các đơn vị thu phí còn chênh lệch thừa nộp về để chuyển cho đơn vị thiếu. Đồng thời phải mở sổ hạch toán riêng từng quỹ, cuối năm nếu chưa sử dụng hết thì được chuyển sang năm sau để tiếp tục sử dụng và hàng năm phải quyết toán với Bộ Tài chính. Trường hợp trong 3 năm liên tục không sử dụng hết Quỹ Điều hòa phục vụ công tác thu phí thì phải chuyển số còn thừa sang Quỹ Đầu tư hiện đại hóa công nghệ thu phí.

4.3. Tổng số tiền phí đường bộ thu được sau khi trừ số tiền tạm trích theo quy định tại điểm 4.1 và 4.2 trên đây, số còn lại đơn vị tổ chức thu phí đường bộ phải nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định sau đây:

a) Đơn vị thu phí đường bộ thực hiện kê khai tiền phí thu được từng tháng và nộp tờ khai cho cơ quan thuế trực tiếp quản lý trong 5 ngày đầu của tháng tiếp theo. Tờ khai phí đường bộ phải ghi đầy đủ số vé, loại vé đã sử dụng và số phí đã thu, số phí được trích để lại, số phí phải nộp ngân sách nhà nước của tháng trước theo Mẫu số 2 ban hành kèm theo Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn pháp luật phí và lệ phí.

Căn cứ số kê khai, đơn vị thu phí đường bộ

làm thủ tục nộp ngân sách nhà nước. Thời hạn nộp phí vào ngân sách nhà nước chậm nhất không quá ngày 15 của tháng tiếp theo (chương, loại, khoản tương ứng, mục 032, tiểu mục 03 Mục lục Ngân sách nhà nước quy định (phí đường bộ do Trung ương quản lý nộp vào ngân sách trung ương, phí đường bộ do địa phương quản lý nộp vào ngân sách địa phương).

b) Cơ quan thuế trực tiếp quản lý có nhiệm vụ kiểm tra tờ khai, đối chiếu từng loại vé đã phát hành và đã sử dụng để xác định chính xác số tiền phí đường bộ đã thu, số tiền phải nộp ngân sách nhà nước và thông báo cho đơn vị thu phí thực hiện thanh toán số phí phải nộp ngân sách nhà nước hàng tháng.

Đơn vị thu phí đường bộ thực hiện thanh toán số tiền phải nộp ngân sách nhà nước hàng tháng theo thông báo của cơ quan thuế, nếu đã nộp thừa thì được trừ vào số tiền phí phải nộp ngân sách nhà nước kỳ tiếp theo, nếu nộp thiếu thì phải nộp đủ số tiền phí còn thiếu vào ngân sách nhà nước chậm nhất sau 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của cơ quan thuế.

c) Cơ quan tài chính thực hiện cấp lại toàn bộ số tiền phí đường bộ thực nộp vào ngân sách nhà nước để duy tu, sửa chữa đường bộ theo dự toán được duyệt.

5. Lập dự toán thu - chi phí đường bộ:

a) Hàng năm, đơn vị thu phí đường bộ có trách nhiệm lập dự toán thu - chi phí đường bộ theo quy định của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn phân cấp, lập, chấp hành và quyết toán ngân sách nhà nước hiện hành.

b) Dự toán thu - chi phí đường bộ phải chi tiết nội dung đến từng Mục lục Ngân sách nhà nước quy định đối với từng khoản thu - chi tương ứng, kèm theo thuyết minh giải trình cơ sở tính toán.

c) Việc gửi dự toán và tổng hợp dự toán thực hiện như sau:

- Đơn vị tổ chức thu phí quốc lộ, phải gửi dự

toán thu - chi phí đường bộ cho Khu quản lý đường bộ (nếu đơn vị trực thuộc Khu), gửi Sở Giao thông vận tải (nếu đơn vị trực thuộc địa phương được ủy thác quản lý quốc lộ) để Khu quản lý đường bộ và Sở Giao thông vận tải báo cáo Cục Đường bộ Việt Nam xem xét tổng hợp báo cáo Bộ Giao thông vận tải. Bộ Giao thông vận tải tổng hợp dự toán thu - chi phí đường bộ vào dự toán thu - chi ngân sách năm và gửi Bộ Tài chính theo quy định.

- Đơn vị tổ chức thu phí đường bộ do địa phương quản lý, phải gửi dự toán thu - chi phí đường bộ cho Sở Giao thông vận tải. Sở Giao thông vận tải tổng hợp vào dự toán thu - chi ngân sách năm và gửi cho Sở Tài chính - Vật giá theo quy định.

6. Thông báo dự toán thu - chi phí đường bộ:

a) Căn cứ vào dự toán thu - chi phí đường bộ đã được thông báo, Bộ Giao thông vận tải (Cục Đường bộ Việt Nam) duyệt và phân bổ dự toán thu - chi phí đường bộ cho các đơn vị trực thuộc (có chi tiết từng quý) theo nội dung thu - chi của Mục lục Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn hiện hành, đồng gửi Bộ Tài chính.

Bộ Tài chính có trách nhiệm kiểm tra kết quả phân bổ dự toán thu - chi của các đơn vị. Trường hợp phát hiện việc phân bổ không phù hợp với dự toán thu - chi đã giao cho Bộ Giao thông vận tải (Cục Đường bộ Việt Nam) thì Bộ Tài chính có ý kiến bằng văn bản với Bộ Giao thông vận tải để điều chỉnh việc phân bổ dự toán cho phù hợp.

b) Trên cơ sở dự toán thu - chi phí đường bộ đã được thông báo, Sở Giao thông vận tải duyệt và phân bổ dự toán thu - chi phí đường bộ cho các đơn vị trực thuộc (có chi tiết từng quý) theo nội dung thu - chi của Mục lục Ngân sách nhà nước quy định và các văn bản hướng dẫn hiện hành; đồng gửi cho Sở Tài chính - Vật giá.

Sở Tài chính - Vật giá có trách nhiệm kiểm tra kết quả thông báo dự toán thu - chi của các đơn vị; trường hợp phát hiện việc phân chia dự

toán không phù hợp với dự toán thu - chi đã giao cho Sở Giao thông vận tải thì đề nghị Sở Giao thông vận tải để điều chỉnh việc phân bổ dự toán cho phù hợp.

c) Cục Đường bộ Việt Nam, Sở Giao thông vận tải phải gửi bản phân bổ, giao dự toán thu - chi phí đường bộ của các đơn vị thu phí đường bộ trực thuộc cho Cục Thuế, Kho bạc nhà nước nơi đơn vị thu phí đóng trụ sở để thực hiện kiểm tra, giám sát việc thu - chi, sử dụng tiền phí đường bộ theo đúng quy định. Trường hợp kiểm tra, giám sát phát hiện việc phân bổ, giao dự toán hoặc việc thực hiện các chỉ tiêu dự toán được giao của các đơn vị thu phí không phù hợp thì phải có văn bản báo cáo cơ quan có thẩm quyền xem xét (Bộ Giao thông vận tải và Bộ Tài chính đối với đơn vị thu phí quốc lộ; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Sở Giao thông vận tải đối với đơn vị thu phí đường địa phương).

7. Chấp hành dự toán thu - chi phí đường bộ:

a) Căn cứ vào dự toán chi được cấp có thẩm quyền thông báo, số thu thực nộp vào Kho bạc nhà nước, lệnh chuẩn chi của Thủ trưởng đơn vị và chứng từ hợp pháp, hợp lệ theo quy định, Kho bạc nhà nước thực hiện kiểm soát chi, cấp phát tạm ứng hoặc thanh toán cho đơn vị theo quy định tại Thông tư số 40/1998/TT-BTC ngày 31/3/1998 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, cấp phát, thanh toán các khoản chi ngân sách nhà nước qua Kho bạc nhà nước.

b) Định kỳ hàng tháng, quý căn cứ vào số phí do các đơn vị thu phí thực nộp vào ngân sách nhà nước, Cục Đường bộ Việt Nam tổng hợp số thu phí quốc lộ và Sở Giao thông vận tải tổng hợp số thu phí đường địa phương, kèm theo xác nhận của Kho bạc nhà nước; cơ quan tài chính thực hiện cấp phát đầu tư, sửa chữa các công trình giao thông khác theo dự toán và danh mục công trình sửa chữa nâng cấp từ nguồn thu phí; Bộ Giao thông vận tải (Cục Đường bộ Việt Nam) hoặc Sở Giao thông vận tải phân bổ sau khi đã thống nhất

với cơ quan tài chính cùng cấp. Hình thức cấp phát thực hiện theo quy định đối với kinh phí ngân sách nhà nước bố trí hàng năm.

8. Kế toán và quyết toán thu - chi phí đường bộ:

a) Đơn vị tổ chức thu phí đường bộ phải thực hiện kế toán và quyết toán thu - chi phí đường bộ theo đúng chế độ kế toán thống kê hiện hành. Cuối quý, cuối năm đơn vị tổ chức thu phí phải lập báo cáo quyết toán về tình hình thu - chi phí đường bộ, sau khi đã quyết toán với cơ quan thuế về số phí đường bộ đã thu, số phải nộp và đã nộp ngân sách, số được giữ lại và số thực chi theo quy định tại Thông tư này.

b) Cơ quan chủ quản cấp trên của các đơn vị thu phí đường bộ có trách nhiệm kiểm tra và thông báo xét duyệt quyết toán thu - chi phí đường bộ của các đơn vị trực thuộc và tổng hợp báo cáo quyết toán gửi cơ quan tài chính cùng cấp thẩm định và thông báo duyệt quyết toán cùng với quyết toán năm của cơ quan chủ quản.

II. ĐƯỜNG BỘ DO NHÀ NƯỚC ĐẦU TƯ BẰNG VỐN VAY VÀ THU PHÍ HOÀN VỐN

1. Đường bộ do Nhà nước đầu tư bằng vốn vay và thu phí hoàn vốn nêu tại Mục này là những đường bộ được Nhà nước cho phép chủ đầu tư (các cơ quan quản lý nhà nước về đường bộ) vay vốn để đầu tư, sau đó thu phí hoàn trả vốn vay theo dự án đầu tư được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt (trừ những đường bộ đầu tư bằng vốn vay để kinh doanh).

2. Mức thu phí đường bộ Nhà nước đầu tư bằng vốn vay và thu phí hoàn vốn được áp dụng theo mức thu phí đường bộ đầu tư bằng vốn ngân sách nhà nước quy định tại điểm 2, Mục I Phần này. Trường hợp áp dụng mức thu theo mức thu phí đường bộ đầu tư bằng vốn ngân sách nhà nước không bảo đảm hoàn vốn theo dự án đầu tư được

duyet thì chủ đầu tư phải có văn bản đề nghị cơ quan có thẩm quyền (Bộ Tài chính đối với quốc lộ; Hội đồng nhân dân cấp tỉnh đối với đường địa phương) quyết định mức thu cụ thể phù hợp, nhưng tối đa không quá 2 lần mức thu phí đường bộ đầu tư bằng vốn ngân sách nhà nước. Thủ tục, trình tự ban hành quyết định quy định mức thu phí đường bộ nêu tại Mục này thực hiện như sau:

a) Chậm nhất trước 60 ngày kể từ ngày bắt đầu tổ chức thu phí, chủ đầu tư phải gửi Bộ Tài chính (đối với quốc lộ) hoặc Hội đồng nhân dân cấp tỉnh (đối với đường địa phương) công văn đề nghị quy định mức thu, kèm theo hồ sơ:

- Dự án đầu tư đường bộ được cấp có thẩm quyền phê duyệt (trong đó ghi rõ cấp đường và độ dài đoạn đường thu phí, mức thu được duyệt theo dự án), thời hạn hoàn thành việc xây dựng và đưa công trình vào sử dụng.

- Đề án thu phí, bao gồm: trạm thu phí (tự động, bán tự động, thủ công, các điều kiện về điện chiếu sáng...), dự kiến mức thu (nếu khác với mức thu đã ghi trong dự án được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt thì phải nêu rõ lý do), dự kiến khả năng nguồn thu, hiệu quả thu phí và thời hạn hoàn vốn.

b) Chậm nhất trước 30 ngày kể từ ngày bắt đầu thu phí, Bộ Tài chính hoặc Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phải xem xét, quyết định mức thu và thông báo cho chủ đầu tư kịp thời triển khai thu phí. Trường hợp Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành quyết định mức thu phí đường bộ địa phương quản lý thì còn phải gửi quyết định đó cho Bộ Tài chính và Bộ Giao thông vận tải để theo dõi thực hiện.

3. Đơn vị tổ chức thu phí phải mở tài khoản thu phí đường bộ tại Kho bạc nhà nước nơi giao dịch. Số tiền phí cầu đường thu được hàng ngày phải gửi vào tài khoản mở tại Kho bạc nhà nước và được sử dụng như sau:

a) Trích để lại cho tổ chức thu phí để chi phí phục vụ việc thu phí theo tỷ lệ (%) và nội dung

chi quy định tại điểm 4.1 Mục I Phần này (đường bộ đầu tư bằng vốn ngân sách nhà nước).

b) Số tiền còn lại (tổng số tiền phí thu được trừ số để lại theo tỷ lệ quy định tại tiết a điểm này) cuối tháng chuyển về tài khoản do chủ đầu tư hoặc đơn vị được giao tiếp nhận nợ và trả nợ thay chủ đầu tư mở tại Kho bạc nhà nước. Đến kỳ trả nợ, các đơn vị này làm thủ tục thanh toán cho đơn vị cho vay theo đúng quy định tại Thông tư liên tịch số 90/2001/TTLT-BTC-BGTVT ngày 09/11/2001 của Bộ Tài chính và Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn quản lý, thanh toán vốn ngân sách nhà nước và thu phí đường bộ để trả nợ vốn vay tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước đối với các dự án giao thông.

4. Toàn bộ số tiền phí đường bộ dùng để trả nợ nêu tại tiết b điểm 3 Mục này phải thực hiện "ghi thu, ghi chi" qua ngân sách nhà nước theo trình tự, thủ tục như sau:

- Hàng năm, cứ 6 tháng một lần (6 tháng đầu năm và 6 tháng cuối năm), đơn vị tổ chức thu phí phải tổng hợp quyết toán thu - chi tiền phí đường bộ trong kỳ, ghi rõ số tiền phí đã thu, số tiền phí đã sử dụng theo từng mục chi, trong đó chi tiết khoản mục chi trích nộp về cơ quan chủ đầu tư và gửi Bảng tổng hợp quyết toán đó cho cơ quan thuế trực tiếp quản lý.

- Cơ quan thuế kiểm tra quyết toán thu - chi phí đường bộ của từng đơn vị, xác định số thực thu, số thực chi, trong đó số tiền chi trích nộp tạo nguồn hoàn trả vốn vay, gửi văn bản kèm theo quyết toán thu - chi về Bộ Tài chính (Tổng cục Thuế - đối với quốc lộ) hoặc Sở Tài chính (đối với đường địa phương). Tổng cục Thuế kiểm tra, tổng hợp và chuyển Vụ Hành chính sự nghiệp trình Bộ Tài chính xem xét, giải quyết ghi thu, ghi chi đối với quốc lộ; Sở Tài chính - Vật giá giải quyết ghi thu, ghi chi đối với đường địa phương.

- Căn cứ chứng từ thu phí đường bộ thực hiện theo hình thức ghi thu, ghi chi, Tổng cục Thuế thông báo số thu ngân sách tại từng trạm thu phí

quốc lộ và Sở Tài chính - Vật giá thông báo số thu ngân sách tại từng trạm thu phí đường địa phương cho Cục Thuế các tỉnh, thành phố tổng hợp số thu ngân sách nhà nước trên địa bàn.

- Chủ đầu tư hoặc đơn vị được giao tiếp nhận nợ và trả nợ thay chủ đầu tư có trách nhiệm theo dõi chặt chẽ việc thanh toán trả nợ các khoản vốn nhà nước vay đầu tư nâng cấp đường bộ và thu phí hoàn vốn. Đối với những đường bộ đã thu phí hoàn trả hết vốn vay theo dự án được duyệt thì phải có văn bản báo cáo Bộ Tài chính, Bộ Giao thông vận tải (đối với quốc lộ) hoặc Hội đồng nhân dân cấp tỉnh (đối với đường địa phương) biết để ngừng việc trích tiền phí hoàn trả vốn vay, đồng thời ra quyết định thu, nộp và quản lý sử dụng phí đường bộ này theo chế độ quy định đối với đường bộ đầu tư bằng vốn ngân sách nhà nước nêu trên.

5. Các đơn vị tổ chức thu phí đường bộ nhà nước đầu tư bằng vốn vay và thu phí hoàn vốn có trách nhiệm thực hiện lập dự toán, chấp hành dự toán và quyết toán thu - chi phí đường bộ theo quy định đối với đường bộ đầu tư bằng vốn ngân sách nhà nước nêu tại điểm 5, 6, 7, 8 Mục I Phần này. Ngoài ra, còn phải có thuyết minh chi tiết số nợ phải trả (gốc và lãi), số đã trả đến năm báo cáo, số phải trả trong năm lập dự toán, nguồn trả của năm lập dự toán.

6. Những đường bộ do Nhà nước đầu tư nâng cấp bằng vốn vay nêu tại Mục này, sau khi đã hoàn trả hết vốn vay (bao gồm cả lãi tiền vay) thì phải thực hiện thu, nộp và quản lý, sử dụng theo chế độ quy định đối với đường bộ đầu tư bằng vốn ngân sách nhà nước nêu trên.

III. ĐƯỜNG BỘ ĐẦU TƯ BẰNG VỐN LIÊN DOANH

1. Đường bộ đầu tư bằng vốn liên doanh nêu tại Mục này, bao gồm:

- Đường bộ đầu tư bằng nguồn vốn liên doanh

giữa vốn ngân sách nhà nước và vốn của các đối tác khác.

- Đường bộ do Nhà nước đầu tư một phần (một cầu trong toàn bộ đoạn đường thu phí, hoặc một phần đường trong toàn bộ đoạn đường thu phí), phần đường còn lại do các đối tác khác đầu tư. Trong trường hợp này các bên liên doanh phải thống nhất đánh giá giá trị thực tế của phần đường bộ do từng bên đầu tư, để xác định vốn góp của từng bên liên doanh.

2. Mức thu phí đường bộ đầu tư bằng vốn liên doanh được coi là giá cước dịch vụ sử dụng đường bộ đã bao gồm thuế giá trị gia tăng, do Bộ Tài chính (đối với quốc lộ) hoặc Hội đồng nhân dân cấp tỉnh (đối với đường địa phương) quy định phù hợp với cấp đường và độ dài đoạn đường thu phí theo dự án đầu tư được duyệt và đề nghị của chủ đầu tư, nhưng tối đa không quá 2 lần mức thu phí đường bộ đầu tư bằng vốn ngân sách nhà nước. Thủ tục, trình tự quy định mức thu áp dụng theo quy định tại điểm 2 Mục II Phần này.

3. Số tiền phí đường bộ đầu tư bằng vốn liên doanh thu được hạch toán vào doanh thu và quản lý sử dụng như sau:

3.1. Nộp thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của Luật Thuế giá trị gia tăng và Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (trừ thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung, nếu có).

3.2. Chi phục vụ công tác tổ chức thu phí đường bộ.

3.3. Chi phí cho việc quản lý, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên đoạn đường bộ thu phí.

3.4. Tổng số tiền phí đường bộ thu được, sau khi trừ số tiền đã chi theo các nội dung chi nêu trên (3.1, 3.2, 3.3), số tiền còn lại được chia cho các đối tác liên doanh theo tỷ lệ góp vốn đầu tư ghi trong dự án đầu tư đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định sau đây:

a) Số tiền thu phí đường bộ chia theo tỷ lệ vốn

góp của ngân sách nhà nước đầu tư phải nộp hết vào ngân sách nhà nước (nếu vốn đầu tư của ngân sách trung ương thì nộp vào ngân sách trung ương; nếu vốn đầu tư của ngân sách địa phương thì nộp vào ngân sách địa phương; trường hợp cả ngân sách trung ương và ngân sách địa phương cùng tham gia góp vốn thì phân chia số tiền được chia cho từng cấp ngân sách theo tỷ lệ vốn góp của mỗi cấp ngân sách trong tổng số vốn góp vào liên doanh).

b) Số tiền phí đường bộ chia theo tỷ lệ vốn góp của các đối tác liên doanh khác được hạch toán vào thu nhập của đơn vị (khoản thu nhập này không chịu thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất ổn định, nhưng phải chịu thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung, nếu có).

4. Đường bộ đầu tư bằng vốn liên doanh nêu tại Mục này, sau khi đã hoàn trả đủ vốn, các chi phí phát sinh có liên quan theo quy định trên đây (kể cả lợi nhuận cho phép) theo dự án đầu tư được duyệt thì phải thực hiện thu, nộp và quản lý sử dụng theo chế độ quy định đối với đường bộ đầu tư bằng vốn ngân sách nhà nước nêu trên.

IV. ĐƯỜNG BỘ ĐẦU TƯ ĐỂ KINH DOANH

1. Mức thu phí đường bộ đầu tư để kinh doanh (kể cả BOT và các loại hình kinh doanh khác) là giá cước dịch vụ sử dụng đường bộ đã bao gồm thuế giá trị gia tăng, do Bộ Tài chính (đối với quốc lộ) hoặc Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định cụ thể (đối với đường địa phương), phù hợp với cấp đường và độ dài đoạn đường thu phí theo dự án đầu tư được duyệt và đề nghị của chủ đầu tư, nhưng tối đa không quá 2 lần mức thu phí đường bộ đầu tư bằng vốn ngân sách nhà nước. Thủ tục, trình tự quy định mức thu phí đường bộ nêu tại Mục này thực hiện theo quy định tại điểm 2 Mục II Phần này.

2. Số tiền phí đường bộ đầu tư để kinh doanh

là doanh thu hoạt động kinh doanh của đơn vị. Đơn vị thu phí đường bộ có nghĩa vụ kê khai, nộp thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp, thực hiện hạch toán kết quả kinh doanh theo quy định của pháp luật.

3. Kết thúc giai đoạn kinh doanh theo hợp đồng hoặc theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, chủ đầu tư phải chuyển giao đường bộ này cho Nhà nước quản lý và đơn vị thu phí phải thực hiện thu, nộp và quản lý, sử dụng phí đường bộ theo chế độ quy định đối với đường bộ đầu tư bằng vốn ngân sách nhà nước nêu trên.

Phần III

CHỨNG TỪ THU PHÍ VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA TỔ CHỨC THU PHÍ ĐƯỜNG BỘ

I. CHỨNG TỪ THU PHÍ ĐƯỜNG BỘ

1. Chứng từ thu phí đường bộ được gọi chung là vé. Vé thu phí đường bộ được quy định phân biệt:

a) Vé thu phí đường bộ đầu tư bằng vốn ngân sách nhà nước và vốn nhà nước vay đầu tư nâng cấp thu phí hoàn vốn (Mục I, Mục II Phần II Thông tư này) có tiêu đề: "Phí đường bộ". Chứng từ "phí đường bộ" là biên lai thu phí, lệ phí thuộc ngân sách nhà nước.

b) Vé thu phí đường bộ đầu tư để kinh doanh (Mục III, Mục IV Phần II Thông tư này) có tiêu đề "Cước đường bộ". Chứng từ "Cước đường bộ" là hóa đơn đặc thù sử dụng khi cung ứng dịch vụ sử dụng đường.

c) Bãi bỏ tất cả các loại vé hoặc thẻ miễn phí đường bộ đã in, phát hành và hiện đang lưu hành kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

2. Các loại vé thu phí đường bộ:

2.1. Vé thu phí tại từng trạm thu phí:

Vé thu phí tại từng trạm thu phí (sau đây gọi chung là vé thu phí trạm) gồm các loại: vé lượt; vé tháng; vé quý.

a) Vé thu phí trạm có đặc điểm chung như sau:

- Vé thu phí trạm dùng để thu phí đối với phương tiện tham gia giao thông qua một trạm thu phí nơi phát hành vé. Vé phát hành cho trạm thu phí nào thì chỉ có giá trị sử dụng tại trạm thu phí đó (không có giá trị tại trạm thu phí khác).

- Mẫu vé trạm được in theo mẫu của Bộ Tài chính (Tổng cục Thuế) quy định thống nhất về kích cỡ, chỉ tiêu chung (trừ loại vé từ thu phí tại các trạm thu phí tự động và bán tự động).

- Vé phát hành hàng năm theo năm dương lịch. Vé lượt có giá trị trong năm ghi trên vé; vé tháng, vé quý có giá trị sử dụng theo thời hạn ghi trên vé. Quá thời hạn ghi trên vé thì vé không còn giá trị sử dụng. Vé đã bán ra thì không được đổi hoặc trả lại (kể cả vé hư hỏng, vé quá hạn).

- Vé lượt bán theo loại phương tiện tương ứng với mệnh giá in sẵn trên vé, không ghi biển số phương tiện; vé tháng, vé quý bán theo loại phương tiện tương ứng với mệnh giá ghi trên vé, nhưng phải ghi rõ: thời hạn sử dụng và biển số phương tiện.

- Các loại vé lượt, vé tháng, vé quý thu phí tại từng trạm thu phí bán rộng rãi cho mọi đối tượng có nhu cầu. Tổ chức, cá nhân có thể mua một lần một vé hoặc nhiều vé để sử dụng trong năm phát hành.

b) Đặc điểm cụ thể của từng loại vé thu phí trạm:

* Vé lượt: Dùng để thu phí đối với phương tiện tham gia giao thông qua trạm thu phí nơi phát hành một lượt. Vé lượt được in sẵn mệnh giá theo mức thu lượt quy định tương ứng với từng loại phương tiện.

* Vé tháng: Dùng để thu phí đối với phương tiện tham gia giao thông qua trạm thu phí nơi phát hành trong một tháng, kể từ ngày 01 đến ngày kết thúc tháng theo thời hạn ghi trên vé.

Vé tháng được in sẵn mệnh giá tháng tương ứng với từng loại phương tiện. Mệnh giá vé tháng bằng 30 (ba mươi) lần mệnh giá vé lượt; riêng mệnh giá vé tháng quy định đối với xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh, xe gắn máy và các loại xe tương tự bằng 10 (mười) lần mệnh giá vé lượt.

* Vé quý: Phát hành theo thời hạn quý (I, II, III, IV) trong năm dương lịch, dùng để thu phí đối với phương tiện tham gia giao thông qua trạm thu phí nơi phát hành trong một quý kể từ ngày 01 của tháng đầu quý đến ngày kết thúc quý theo thời hạn ghi trên vé.

Vé quý được in sẵn mệnh giá quý tương ứng với từng loại phương tiện. Mệnh giá vé quý bằng 3 (ba) lần mệnh giá vé tháng và chiết khấu 10% (để khuyến khích, thu hút việc mua vé quý).

2.2. Vé thu phí tuyến Quốc lộ 5:

Thực hiện thí điểm áp dụng vé thu phí tuyến Quốc lộ 5, bao gồm 2 trạm thu phí với các loại: vé tháng; vé quý (không áp dụng vé lượt, nếu có nhu cầu vé lượt thì thực hiện mua vé lượt tại từng trạm thu phí).

a) Vé thu phí tuyến Quốc lộ 5 có đặc điểm chung như sau:

- Vé thu phí tuyến Quốc lộ 5 có tiêu đề là "Phí đường bộ tuyến Quốc lộ 5", ghi rõ: thời hạn sử dụng, loại phương tiện, biển kiểm soát, mức thu.

- Vé tuyến Quốc lộ 5 áp dụng đối với phương tiện tham gia giao thông (trừ phương tiện là mô tô hai bánh, mô tô ba bánh, xe gắn máy và các xe tương tự) trên tuyến Quốc lộ 5. Vé tuyến Quốc lộ 5 không có giá trị sử dụng trên các tuyến đường khác.

- Mệnh giá vé tuyến Quốc lộ 5 bằng mệnh giá thu phí trạm nhân (x) 2.

- Mẫu vé tuyến Quốc lộ 5 do Bộ Tài chính (Tổng cục Thuế) quy định thống nhất về kích cỡ, màu sắc và nội dung chỉ tiêu.

- Vé tuyến Quốc lộ 5 được bán rộng rãi cho mọi đối tượng, không hạn chế số lượng. Người điều khiển phương tiện sử dụng vé thu phí tuyến Quốc lộ 5 cho vé vào trong kính trước xe ô tô để kiểm soát vé mỗi khi xe đi qua các trạm thu phí.

b) Đặc điểm cụ thể của từng loại vé tuyến Quốc lộ 5 như sau:

* Vé tháng: Dùng để thu phí đối với phương tiện tham gia giao thông trên tuyến Quốc lộ 5 trong một tháng theo thời hạn ghi trên vé. Mệnh giá vé tháng tuyến Quốc lộ 5 = Mệnh giá vé tháng trạm, nhân (x) 2.

* Vé quý: Dùng để thu phí đối với phương tiện tham gia giao thông trên tuyến Quốc lộ 5 trong một quý theo thời hạn ghi trên vé. Mệnh giá vé quý tuyến Quốc lộ 5 = Mệnh giá vé quý trạm, nhân (x) 2.

2.3. Mệnh giá các loại vé thu phí trạm và vé tuyến Quốc lộ 5 được quy định cụ thể tại Biểu phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

3. In, phát hành và quản lý sử dụng vé thu phí đường bộ:

3.1. Mẫu vé:

Mẫu vé thu phí đường bộ được phân biệt 2 loại vé:

- Vé từ dùng để thu phí theo hình thức tự động, bán tự động, được in theo mẫu phù hợp với từng loại máy do các hãng sản xuất khác nhau.

- Vé dùng để thu phí theo hình thức thủ công (không có từ), được in theo mẫu do Bộ Tài chính (Tổng cục Thuế) chủ trì phối hợp với Bộ Giao thông vận tải thiết kế thống nhất về kích cỡ và nội dung chỉ tiêu.

Căn cứ mẫu vé của Bộ Tài chính quy định, Cục Thuế tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chủ

trì phối hợp với Công ty quản lý đường bộ địa phương, xác định các chỉ tiêu cụ thể áp dụng tại trạm thu phí và phần màu sắc của từng loại vé do địa phương quy định. Nguyên tắc xác định mẫu vé như sau:

a) Kích cỡ vé (trừ loại vé từ):

- Vé lượt, gồm 3 phần: phần lưu tại cuống, phần lưu tại cửa soát vé, phần người nộp giữ (vừa để kiểm soát vé, vừa làm chứng từ thanh toán), có tổng diện tích là 19 x 7 cm (chưa kể phần đóng gáy quyển biên lai).

- Vé tháng, vé quý thu phí trạm, gồm 2 phần: phần lưu tại cuống; phần người nộp phí giữ (vừa để kiểm soát vé, vừa làm chứng từ thanh toán), có tổng diện tích là 21 x 10 cm (chưa kể phần đóng gáy quyển biên lai).

- Vé tháng, vé quý thu phí tuyến Quốc lộ 5 gồm 2 phần: phần lưu tại cuống; phần người nộp phí giữ (vừa để kiểm soát vé, vừa làm chứng từ thanh toán), có tổng diện tích (2 phần) là 28 x 12 cm (chưa kể phần đóng gáy quyển biên lai).

b) Màu sắc vé:

- Vé lượt, vé tháng, vé quý thu phí trạm được in 7 màu khác nhau tương ứng với 7 mệnh giá vé (mỗi mệnh giá vé một màu) do Cục Thuế thống nhất với Công ty quản lý đường bộ và trạm thu phí địa phương xác định phù hợp.

- Vé tháng, vé quý thu phí tuyến Quốc lộ 5, được chia thành 2 phần: phần nửa trên màu sáng nhạt, phần nửa dưới màu đậm (mỗi mệnh giá vé một màu).

c) Nội dung chỉ tiêu ghi trên vé:

Nội dung chỉ tiêu ghi trên vé được quy định thống nhất, gồm các chỉ tiêu cơ bản như: đơn vị phát hành, loại vé, loại phương tiện, thời hạn sử dụng, mệnh giá vé.

3.2. In và phát hành vé:

a) Tổng cục Thuế in và phát hành vé tháng, vé

quý tuyến Quốc lộ 5 và vé áp dụng đối với phương tiện giao thông của Bộ Quốc phòng, cụ thể:

- Định kỳ hàng năm hoặc đột xuất, Tổng cục Thuế phải tổng hợp nhu cầu sử dụng của các đơn vị để in và cung cấp đầy đủ các loại vé cần thiết cho Cục Thuế các tỉnh, thành phố để giao kịp thời cho các đơn vị thu phí bán cho đối tượng sử dụng theo quy định.

- Bán vé "phí đường bộ toàn quốc" theo yêu cầu của Bộ Quốc phòng.

b) Cục Thuế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương in và phát hành vé lượt, vé tháng, vé quý để thu phí đối với các trạm thu phí đường bộ đóng tại địa phương (quốc lộ, đường địa phương, đường BOT, các đường bộ khác) và nhận vé tuyến Quốc lộ 5 do Tổng cục Thuế in để cung cấp cho các trạm thu phí bán cho các đối tượng sử dụng.

Định kỳ hàng năm, quý hoặc đột xuất, Cục Thuế phải tổng hợp báo cáo nhu cầu từng loại vé do các công ty quản lý đường bộ và các trạm thu phí gửi đến, đối chiếu với lượng vé tồn kho còn có thể tiếp tục sử dụng (nếu có), xác định số lượng chủng loại vé cần phải in trong kỳ phù hợp để thực hiện in đầy đủ, kịp thời, vừa bảo đảm nhu cầu sử dụng, không để tình trạng thiếu vé và vừa tiết kiệm chi phí. Đối với loại vé thuộc trách nhiệm của Tổng cục Thuế in, phát hành thì Cục Thuế phải tổng hợp báo cáo dự trữ lượng vé cần thiết để nghị Tổng cục in phù hợp với thực tế.

b) Các công ty quản lý đường bộ và các trạm thu phí đường bộ phải thực hiện:

- Hàng năm, trước ngày 15 của tháng đầu quý cuối năm trước hoặc đột xuất (do thiếu vé hoặc thay đổi nhu cầu...) phải lập dự trữ số lượng vé (chi tiết từng loại vé) cần sử dụng năm sau hoặc kỳ tới (trường hợp đột xuất) và gửi báo cáo Công ty quản lý đường bộ cấp trên (đối với trạm thu phí), Cục Thuế tỉnh, thành phố trực tiếp quản lý để kịp thời in vé bảo đảm nhu cầu sử dụng trong kỳ.

- Nhận các loại vé tại Cục Thuế địa phương để bán cho các đối tượng sử dụng theo quy định (trừ loại vé "phí đường bộ toàn quốc").

- Thường xuyên theo dõi ý kiến phản ánh của các đơn vị về nhu cầu sử dụng từng loại vé, nội dung chỉ tiêu quy định trên vé, nếu chưa phù hợp thì báo cáo kịp thời với cơ quan chủ quản cấp trên và cơ quan thuế trực tiếp quản lý để điều chỉnh phù hợp.

3.3. Quản lý, sử dụng vé:

a) Vé "Phí đường bộ" đối với đường bộ đầu tư bằng vốn ngân sách nhà nước và vốn nhà nước vay thu phí hoàn vốn quy định tại Mục I, Mục II Phần II Thông tư này được quản lý, sử dụng theo chế độ quản lý biên lai thu tiền phí, lệ phí của Bộ Tài chính quy định. Tổ chức, cá nhân có vé "Phí đường bộ" (trừ vé "Phí đường bộ toàn quốc") được hạch toán số tiền phí đường bộ (in trên vé) vào chi phí kinh doanh (đối với đơn vị sản xuất kinh doanh dịch vụ) hoặc vào chi phí hành chính sự nghiệp.

b) Vé "Cước đường bộ" đối với đường bộ đầu tư để kinh doanh quy định tại Mục III, Mục IV Phần II Thông tư này được quản lý, sử dụng theo chế độ quản lý hóa đơn chứng từ của Bộ Tài chính quy định. Tổ chức, cá nhân có vé "Cước đường bộ" được hạch toán vào chi phí kinh doanh hoặc chi phí hành chính sự nghiệp như đối với vé "Phí đường bộ" nêu trên. Đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ thuế được hạch toán vào chi phí kinh doanh phần phí đường bộ phải nộp chưa có thuế giá trị gia tăng và được khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào theo quy định của Luật Thuế giá trị gia tăng. Đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp tính trực tiếp trên giá trị gia tăng được hạch toán vào chi phí kinh doanh toàn bộ số tiền phí đường bộ phải nộp bao gồm cả tiền thuế giá trị gia tăng.

c) Các trạm thu phí đường bộ thực hiện:

- Thanh toán vé và số tiền phí thu được theo

từng ca, kíp trong ngày, phân định chế độ trách nhiệm cá nhân của từng ca kíp theo nguyên tắc người làm mất vé phải bồi thường tiền phí theo mức thu phí đường bộ tương ứng ghi trên từng loại vé, người kiểm soát vé cho xe không có vé hoặc vé không đúng quy định qua trạm thu phí thì phải bồi thường tiền phí theo quy định; ngoài ra còn bị phạt tương ứng với mức độ và hành vi vi phạm.

- Định kỳ hàng tháng, quý, năm phải thực hiện đối chiếu, quyết toán vé, kèm theo quyết toán số thu, số nộp ngân sách với cơ quan thuế trực tiếp quản lý.

3.4. Thanh hủy vé thu phí đường bộ:

a) Vé thu phí đường bộ đã bán cho các đối tượng sử dụng, phân lưu tại cửa soát vé được thanh hủy theo ca kíp hàng ngày sau khi đối chiếu với máy đếm xe hoặc bộ phận bán vé, ký biên bản giữa bộ phận bán vé, bộ phận kiểm soát vé và Thủ trưởng trạm thu phí.

b) Cuống vé lượt lưu tại trạm thu phí hoặc các công ty quản lý đường bộ được thanh hủy sau một năm kể từ tháng bán cho người sử dụng.

c) Cuống vé tháng được thanh hủy sau 2 năm kể từ tháng sử dụng.

d) Cuống vé quý được thanh hủy sau 5 năm kể từ năm phát hành ghi trên vé.

Việc thanh hủy cuống các loại vé nêu tại tiết a, b, c, d nêu trên phải được Giám đốc Công ty quản lý đường bộ thu phí ra quyết định thanh hủy và khi thanh hủy phải lập biên bản, có sự tham gia của cơ quan thuế trực tiếp quản lý theo đúng thủ tục quy định về thanh hủy biên lai ấn chỉ thuế.

4. Đối với phương tiện cơ giới tham gia giao thông đường bộ của Bộ Quốc phòng:

Các phương tiện của Bộ Quốc phòng mang biển số màu đỏ thuộc diện chịu phí đường bộ thực hiện nộp phí đường bộ theo quy định sau đây:

a) Định kỳ hàng năm, đồng thời với việc lập dự

toán ngân sách, Bộ Quốc phòng lập dự trù số lượng, chủng loại vé cần sử dụng và số kinh phí mua vé cho năm kế hoạch gửi Bộ Tài chính (Tổng cục Thuế và Vụ I).

b) Tổng cục Thuế thực hiện in và phát hành loại vé áp dụng riêng đối với xe quốc phòng biển màu đỏ như sau:

- Vé áp dụng riêng đối với xe quốc phòng biển số màu đỏ có tiêu đề "Phí đường bộ toàn quốc". Cơ quan, đơn vị quốc phòng có vé "Phí đường bộ toàn quốc" có nghĩa là đã nộp phí đường bộ đối với tất cả các trạm thu phí trong toàn quốc (không phân biệt trạm thu phí đường bộ do Nhà nước đầu tư hay đường bộ đầu tư theo hình thức BOT và các hình thức đầu tư khác) theo mệnh giá ban hành kèm theo Thông tư này.

- Nội dung vé "Phí đường bộ toàn quốc" bao gồm: Cơ quan phát hành (Bộ Tài chính - Tổng cục Thuế), loại phương tiện sử dụng gồm 2 loại: vé sử dụng cho xe ô tô con quân sự và vé sử dụng cho xe ô tô tải quân sự (không ghi chi tiết theo trọng tải và biển số cụ thể của từng phương tiện), năm sử dụng (không ghi mệnh giá). Kích cỡ vé có tổng chiều dài nhân (x) chiều rộng là 12 x 8 cm và có màu sắc: nền vé màu đỏ, chữ và số màu trắng.

- Đối tượng sử dụng vé "Phí đường bộ toàn quốc" là các phương tiện thuộc diện chịu phí đường bộ của Bộ Quốc phòng mang biển số màu đỏ, không áp dụng đối với các phương tiện mang biển số khác (kể cả phương tiện của Bộ Quốc phòng không mang biển số màu đỏ). Người kiểm soát vé tại các trạm thu phí nhận biết loại phương tiện của Quốc phòng đã nộp phí đường bộ bằng hai đặc điểm cơ bản là: biển số màu đỏ và vé "Phí đường bộ toàn quốc"; trường hợp phương tiện giao thông thiếu một trong hai đặc điểm này đều được coi là xe chưa nộp phí đường bộ.

- Vé "Phí đường bộ toàn quốc" không ghi mệnh giá nên không sử dụng làm chứng từ thanh toán chi phí (kể cả kinh phí ngân sách và chi phí sản xuất kinh doanh dịch vụ).

c) Bộ Quốc phòng (Cục Tài chính) thực hiện mua vé "Phí đường bộ toàn quốc" tại Bộ Tài chính (Tổng cục Thuế) theo thủ tục như sau:

- Đến kỳ mua vé, người mua vé mang giấy giới thiệu của Cục Tài chính - Bộ Quốc phòng ghi rõ: họ tên, chức vụ, số lượng, chủng loại vé cần mua, kèm theo chứng minh thư đến Tổng cục Thuế để mua vé.

- Tổng cục Thuế thực hiện cung cấp cho người mua vé số lượng, chủng loại vé "Phí đường bộ toàn quốc" theo yêu cầu. Trên cơ sở số vé đã cấp, tính toán số phí đường bộ phải nộp và có văn bản thông báo với Bộ Quốc phòng về số tiền phí phải nộp, thời hạn nộp tiền, địa điểm nộp tiền vào ngân sách nhà nước. Thông báo phải được Thủ trưởng Tổng cục Thuế ký tên, đóng dấu và người nhận vé xác nhận đã nhận đủ vé, ký tên, ghi rõ họ tên. Văn bản thông báo nộp phí đường bộ phải lập thành 5 liên: 1 liên gửi Bộ Quốc phòng, 1 liên gửi Kho bạc Nhà nước Trung ương, 1 liên gửi Vụ I - Bộ Tài chính, 2 liên lưu tại Tổng cục Thuế.

- Căn cứ vào văn bản thông báo nộp phí của Tổng cục Thuế, Cục Tài chính - Bộ Quốc phòng làm thủ tục nộp tiền vào ngân sách nhà nước mở tại Kho bạc Nhà nước Trung ương theo chương 010, loại 13, khoản 06, mục 032, tiểu mục 03 Mục lục Ngân sách nhà nước quy định.

- Kho bạc Nhà nước Trung ương, sau khi nhận được chứng từ giấy nộp tiền và số tiền phí của Bộ Quốc phòng đã nộp vào ngân sách nhà nước, thực hiện xác nhận "đã thu tiền phí đường bộ" vào chứng từ nộp tiền của Bộ Quốc phòng và làm giấy báo Có cho ngân sách nhà nước theo thủ tục quy định.

Giấy nộp tiền phí đường bộ có xác nhận "đã thu tiền phí đường bộ" của Kho bạc Nhà nước Trung ương là chứng từ thanh toán kinh phí ngân sách quốc phòng.

- Định kỳ, Cục Tài chính - Bộ Quốc phòng thực hiện đối chiếu với Tổng cục Thuế về số tiền phí đường bộ phải nộp, số tiền phí đường bộ đã nộp

ngân sách nhà nước và số tiền phí đường bộ còn phải nộp hoặc đã nộp thừa để thanh toán theo thực tế.

d) Nguồn kinh phí nộp tiền phí đường bộ của Bộ Quốc phòng (đối với các phương tiện cơ giới đường bộ mang biển số màu đỏ) do ngân sách nhà nước cấp theo dự toán được duyệt hàng năm. Trường hợp trong năm đầu thực hiện, nếu dự toán ngân sách nhà nước chưa cân đối khoản tiền nộp phí đường bộ thì ngân sách nhà nước cân đối cấp bổ sung tương ứng với số vé Bộ Quốc phòng thực nhận tại Tổng cục Thuế.

II. TRÁCH NHIỆM CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN THU PHÍ ĐƯỜNG BỘ

Tổ chức, cá nhân thu phí đường bộ (dưới đây gọi chung là đơn vị thu phí đường bộ) có trách nhiệm:

1. Thực hiện thông báo công khai (kể cả niêm yết tại nơi bán vé) về đối tượng thuộc diện trả tiền phí, đối tượng được miễn phí, mức thu và thủ tục thu, nộp phí.

2. Tổ chức các điểm bán vé thuận tiện theo quy định:

a) Tổ chức các điểm bán vé tại trạm thu phí thuận tiện cho người điều khiển phương tiện giao thông và tránh ùn tắc giao thông. Ngoài ra, các đơn vị thu phí cần triển khai mở rộng mạng lưới và hình thức bán vé, vừa thuận tiện cho người mua vé, vừa bảo đảm sự quản lý chặt chẽ, tránh thất thoát tiền phí.

b) Bán kịp thời, đầy đủ các loại vé theo yêu cầu của người mua, không hạn chế đối tượng và số lượng vé bán ra. Đối với vé lượt bán theo mệnh giá vé tương ứng với tải trọng phương tiện tham gia giao thông, không phải ghi cụ thể biển số phương tiện và thời hạn sử dụng. Đối với vé tháng, vé quý bán theo thủ tục quy định như sau:

- Tổ chức, cá nhân mua vé phải xuất trình cho người bán vé Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện tham gia giao thông để mua vé theo mức thu tương ứng với loại phương tiện và tải trọng thiết kế của phương tiện sử dụng.

- Người bán vé phải ghi đầy đủ vào vé: biển số đăng ký, thời hạn sử dụng vé.

c) Tổ chức, cá nhân mua vé thu phí đường bộ, căn cứ vào điều kiện thực tế của mình để lựa chọn phương thức thanh toán: bằng tiền mặt, séc, chuyển khoản hoặc ủy nhiệm chi trích tiền từ tài khoản chuyển sang tài khoản của đơn vị thu phí đường bộ.

- Vé đã bán ra (bao gồm vé trạm, vé tuyến Quốc lộ 5 và vé "Phí đường bộ toàn quốc") không được đổi hoặc trả lại, kể cả trường hợp vé quá hạn, vé hư hỏng hoặc mất từ tính không còn giá trị qua cửa soát vé.

- Vé thu phí đường bộ vừa là chứng từ kiểm soát khi phương tiện đi qua trạm thu phí, vừa là chứng từ thanh toán (trừ vé "Phí đường bộ toàn quốc").

3. Tổ chức kiểm soát chặt chẽ các phương tiện qua trạm thu phí theo quy định:

a) Thực hiện kiểm soát các phương tiện qua trạm thu phí thường xuyên 24/24 giờ trong ngày và xử lý:

- Đối với phương tiện thuộc diện phải trả phí đường bộ thì người điều khiển phương tiện phải xuất trình vé theo đúng quy định. Trường hợp không xuất trình vé đúng quy định hoặc sử dụng vé giả thì không được thông qua trạm thu phí, ngoài ra còn phải bị xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật.

Người kiểm soát vé phát hiện hành vi gian lận vé (không có vé, vé giả hoặc vé không tương ứng với tải trọng, chủng loại phương tiện...) thì phải chuyển đối tượng sang bộ phận có thẩm quyền xử lý, tránh chậm trễ gây ùn tắc giao thông.

- Đối với các phương tiện thuộc diện được miễn

phí đường bộ quy định tại điểm 4 Mục II Phần I Thông tư này, mỗi lần qua trạm thu phí, người kiểm soát vé căn cứ vào đặc điểm nhận dạng của từng xe tương ứng (xe chuyên dùng quốc phòng, xe cứu hỏa, cứu thương, xe có đoàn xe hộ tống, xe đang chở người bị tai nạn...) để giải quyết cụ thể, đúng đối tượng, tránh tiêu cực, lợi dụng hoặc gây khó khăn cho người điều khiển phương tiện.

b) Thực hiện kiểm tra đột xuất các phương tiện sử dụng vé để phát hiện vé giả, vé gian lận và xử lý theo thẩm quyền hoặc chuyển cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật. Việc kiểm tra phải bảo đảm đúng pháp luật, tránh gây hậu quả xấu đối với những người chấp hành đúng pháp luật và gây ách tắc giao thông.

c) Nghiêm cấm mọi trường hợp nhận tiền phí đường bộ của người sử dụng phương tiện mà không giao vé hoặc giải quyết cho phương tiện giao thông thuộc diện phải chịu phí không có vé đi qua trạm, thông đồng trốn phí, biến thủ tiền phí, làm thất thoát tiền phí đường bộ.

4. Thực hiện xử lý vi phạm hành chính đối với những đối tượng có hành vi gian lận phí đường bộ theo thẩm quyền hoặc chuyển cơ quan có thẩm quyền xử lý đối với những hành vi vi phạm pháp luật về nộp phí và sử dụng vé thu phí đường bộ theo quy định của pháp luật.

5. Trong thời hạn chậm nhất là 30 ngày trước ngày bắt đầu thu phí, đơn vị thu phí phải đăng ký việc thu phí đường bộ với Cục Thuế địa phương nơi đặt trạm thu phí về địa điểm đặt trạm thu phí, loại vé và số lượng vé thu phí cần sử dụng.

Định kỳ hàng tháng phải kê khai số tiền phí đường bộ thu được, số phải nộp ngân sách nhà nước (tiền phí hoặc tiền thuế) và nộp tờ khai cho Cục Thuế trực tiếp quản lý trong 5 ngày đầu của tháng tiếp theo. Việc kê khai phải thực hiện đầy đủ, đúng mẫu tờ khai và chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu kê khai theo đúng quy định của pháp luật.

6. Thực hiện nộp số tiền phí đường bộ (đối với

đường bộ đầu tư bằng vốn ngân sách nhà nước) hoặc các khoản thuế phải nộp vào ngân sách nhà nước (đối với đường bộ đầu tư để kinh doanh) theo thời hạn của pháp luật quy định.

7. Thực hiện chế độ kế toán và quyết toán phí đường bộ theo quy định:

- Mở sổ kế toán để theo dõi số thu, nộp và quản lý sử dụng tiền phí đường bộ theo chế độ kế toán hiện hành của Nhà nước.

- Quản lý, sử dụng vé thu phí đường bộ và các chứng từ liên quan theo đúng chế độ quản lý hóa đơn, chứng từ của Bộ Tài chính quy định.

- Thực hiện quyết toán phí đường bộ theo năm dương lịch. Thời hạn đơn vị thu phí đường bộ phải nộp quyết toán cho cơ quan thuế chậm nhất không quá 60 ngày, kể từ ngày 31 tháng 12 của năm quyết toán phí. Quyết toán phí phải phản ánh đầy đủ toàn bộ số tiền phí đã thu, số tiền phí hoặc thuế phải nộp, số tiền đã nộp ngân sách, số được trích để lại chi phí, số còn phải nộp ngân sách nhà nước hoặc nộp thừa tính đến thời điểm quyết toán phí.

Đơn vị thu phí đường bộ có trách nhiệm nộp đủ số tiền phí hoặc tiền thuế còn thiếu vào ngân sách nhà nước sau 10 ngày kể từ ngày nộp báo cáo quyết toán phí, nếu nộp thừa được trừ vào số phải nộp kỳ tiếp sau và phải chịu trách nhiệm về tính đúng đắn của số liệu quyết toán phí, nếu đơn vị báo cáo sai để trốn nộp, gian lận tiền của ngân sách nhà nước sẽ bị xử phạt theo quy định của pháp luật.

- Cung cấp đầy đủ tài liệu, sổ sách, hóa đơn, chứng từ kế toán liên quan đến việc quản lý phí, thuế theo yêu cầu của cơ quan thuế.

III. TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN THUẾ

Cơ quan thuế có trách nhiệm:

1. Hướng dẫn, đôn đốc các đơn vị thu phí

đường bộ thực hiện việc kê khai, thu, nộp, mở sổ sách, chứng từ kế toán và quyết toán phí đường bộ theo đúng pháp luật về phí, lệ phí và quy định cụ thể tại Thông tư này.

2. Tổng cục Thuế phối hợp với Cục Đường bộ Việt Nam, Cục Thuế tỉnh, thành phố phối hợp với Sở Giao thông vận tải và các đơn vị thu phí trên địa bàn để nghiên cứu, thiết kế mẫu chứng từ và các ấn chỉ phục vụ việc thu phí; tổ chức in, phát hành, quản lý chứng từ thu phí theo đúng chế độ quản lý ấn chỉ của Bộ Tài chính quy định, bảo đảm cung cấp kịp thời, đầy đủ các loại chứng từ thu phí đường bộ cho các đơn vị thu phí để bán cho đối tượng sử dụng theo yêu cầu. Ngoài ra, Tổng cục Thuế còn có trách nhiệm bán vé "Phí đường bộ toàn quốc" áp dụng đối với các phương tiện cơ giới đường bộ của Bộ Quốc phòng, mở sổ theo dõi, đôn đốc việc nộp tiền phí đường bộ của Bộ Quốc phòng vào ngân sách nhà nước theo quy định.

3. Kiểm tra, thanh tra việc kê khai, thu, nộp và quyết toán phí đường bộ; xử lý vi phạm hành chính về thực hiện chế độ đăng ký, kê khai, nộp phí vào ngân sách nhà nước, chế độ mở sổ kế toán, quản lý sử dụng và lưu giữ chứng từ thu phí đường bộ.

Phần IV

XỬ LÝ VI PHẠM

1. Người điều khiển phương tiện giao thông đi qua trạm thu phí đường bộ, nếu có hành vi gian lận tiền phí (không mua vé, vé giả, vé gian lận hoặc thỏa thuận gian lận tiền phí...) thì ngoài việc phải trả đủ số tiền phí theo mức thu quy định tại Thông tư này, còn bị phạt tiền theo quy định của pháp luật.

Việc xử lý vi phạm phải theo đúng trình tự thủ tục pháp luật quy định. Mọi trường hợp thu tiền phạt đều phải cấp biên lai thu tiền phạt, ghi đúng số tiền đã thu (loại biên lai do Bộ Tài chính phát hành) cho người nộp tiền phạt.

2. Đơn vị, cá nhân thu phí đường bộ vi phạm chế độ thu, nộp tiền phí, tiền phạt; chế độ kê khai phí, nộp tiền phí vào ngân sách nhà nước; chế độ kế toán và quyết toán phí thì bị xử lý theo quy định của Pháp lệnh Phí và lệ phí và các quy định của pháp luật có liên quan.

Phần V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2003. Các văn bản quy định về phí đường bộ trước đây trái với quy định tại Thông tư này đều bãi bỏ. Tất cả các thẻ miễn phí đường bộ đã phát hành, đã cấp trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành đều hết giá trị.

2. Căn cứ vào mức thu quy định tại Thông tư này, Bộ Giao thông vận tải và Hội đồng nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo thẩm quyền của mình thông báo, chỉ đạo các đơn vị tổ chức thu phí đường bộ trực thuộc thực hiện thu phí đường bộ theo đúng quy định tại Thông tư này.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị các tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để nghiên cứu, hướng dẫn bổ sung./.

KT. Bộ trưởng Bộ Tài chính

Thủ trưởng

TRƯƠNG CHÍ TRUNG

MỨC THU PHÍ ĐƯỜNG BỘ DO NHÀ NƯỚC ĐẦU TƯ VÀ QUẢN LÝ

(ban hành kèm theo Thông tư số 109/2002/TT-BTC

ngày 06/12/2002 của Bộ Tài chính).

Thứ tự	Phương tiện chịu phí đường bộ	Mức thu phí áp dụng tại từng trạm thu phí (đồng/vé/lượt)
1	Xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh, xe gắn máy và các loại xe tương tự	1.000
2	Xe lam, xe bông sen, xe công nông, máy kéo	4.000
3	Xe ô tô dưới 11 ghế ngồi, xe tải có tải trọng dưới 2 tấn và xe buýt vận tải khách công cộng	10.000
4	Xe từ 12 ghế ngồi đến 30 ghế ngồi, xe tải có tải trọng từ 2 tấn đến dưới 4 tấn	15.000
5	Xe từ 31 ghế ngồi trở lên (trừ xe buýt) và xe tải có tải trọng từ 4 tấn đến dưới 10 tấn	22.000
6	Xe tải có tải trọng từ 10 tấn đến dưới 18 tấn và xe chở hàng bằng Container 20 fit	40.000
7	Xe tải có tải trọng từ 18 tấn trở lên và xe chở hàng bằng Container 40 fit	80.000

Ghi chú: Tải trọng của từng loại phương tiện áp dụng mức thu quy định trên đây là tải trọng xác định theo thiết kế.

MỆNH GIÁ VÉ ÁP DỤNG TẠI TỪNG TRẠM THU PHÍ

(ban hành kèm theo Thông tư số 109/2002/TT-BTC ngày
06/12/2002 của Bộ Tài chính).

Thứ tự	Phương tiện chịu phí đường bộ	Mệnh giá		
		Vé lượt (đồng/vé/ lượt)	Vé tháng (đồng/vé/ tháng)	Vé quý (đồng/vé/ quý)
1	Xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh, xe gắn máy và các loại xe tương tự	1.000	10.000	
2	Xe lam, xe bông sen, xe công nông, máy kéo	4.000	120.000	300.000
3	Xe dưới 12 ghế ngồi, xe tải có tải trọng dưới 2 tấn và các loại buýt vận tải khách công cộng	10.000	300.000	800.000
4	Xe từ 12 ghế ngồi đến 30 ghế ngồi; xe tải có tải trọng từ 2 tấn đến dưới 4 tấn	15.000	450.000	1.200.000
5	Xe từ 31 ghế ngồi trở lên; xe tải có tải trọng từ 4 tấn đến dưới 10 tấn	22.000	660.000	1.800.000
6	Xe tải có tải trọng từ 10 tấn đến dưới 18 tấn và xe chở hàng bằng Container 20 fit	40.000	1.200.000	3.200.000
7	Xe tải có tải trọng từ 18 tấn trở lên và xe chở hàng bằng Container 40 fit	80.000	2.400.000	6.500.000

Ghi chú: Tải trọng của từng loại phương tiện áp dụng mệnh giá trên là tải trọng theo thiết kế.

**MỆNH GIÁ VÉ THU PHÍ TUYẾN QUỐC LỘ 5 VÀ MỆNH
GIÁ VÉ SỬ DỤNG TOÀN QUỐC**

*(ban hành kèm theo Thông tư số 109/2002/TT-BTC
ngày 06/12/2002 của Bộ Tài chính).*

Thứ tự	Phương tiện chịu phí đường bộ	Mệnh giá vé tuyến Quốc lộ 5	
		Tháng (đồng/vé /tháng)	Quý (đồng/vé /quý)
1	Xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh, xe gắn máy và các loại xe tương tự	20.000	
2	Xe lam, xe bông sen, xe công nông, máy kéo	240.000	600.000
3	Xe dưới 12 ghế ngồi; xe tải có tải trọng dưới 2 tấn; các loại xe buýt vận tải khách công cộng	600.000	1.600.000
4	Xe từ 12 ghế ngồi đến 30 ghế ngồi; xe tải có tải trọng từ 2 tấn đến dưới 4 tấn	900.000	2.400.000
5	Xe từ 31 ghế ngồi trở lên; xe tải có tải trọng từ 4 tấn đến dưới 10 tấn	1.320.000	3.600.000
6	Xe tải có tải trọng từ 10 tấn đến dưới 18 tấn; xe chở hàng bằng Container 20fit	2.400.000	6.400.000
7	Xe tải có tải trọng từ 18 tấn trở lên; Xe chở hàng bằng Container 40 fit	4.800.000	13.000.000

Ghi chú: Tải trọng của từng loại phương tiện áp dụng mệnh giá trên là tải trọng theo thiết kế.

**MỆNH GIÁ VÉ PHÍ ĐƯỜNG BỘ TOÀN QUỐC ÁP DỤNG ĐỐI VỚI XE QUỐC PHÒNG
BIỂN SỐ NỀN MÀU ĐỎ, CHỮ VÀ SỐ MÀU TRẮNG DẠP CHÌM**

*(ban hành kèm theo Thông tư số 109/2002/TT-BTC
ngày 06/12/2002 của Bộ Tài chính).*

Thứ tự	Loại phương tiện	Mệnh giá vé năm (đồng/năm)
1	Xe ô tô con quân sự	2.000.000
2	Xe ô tô vận tải quân sự	3.000.000